

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Việt.

Bà Phan Hoàng Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 473/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1975. (có mặt).

Địa chỉ: tổ 19, khóm H, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* bà Võ Thị Cà N, sinh năm: 1979. (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 19, khóm H, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Văn L trình bày: ông và bà N sống chung năm 1996, hôn nhân do tự tìm hiểu, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà N bỏ đi, không đồng ý tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay, nhận thấy tình cảm không còn, nay ông yêu cầu ly hôn với bà N.

- Về con chung: có 03 con chung tên Đoàn Thị Hồng N, sinh ngày 06/6/1998, Đoàn Vĩ K, sinh ngày 06/4/2002 đã thành niên và Đoàn Thị Tuyết N, sinh ngày

09/10/2006 hiện đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, ông L đồng ý để bà N tiếp tục nuôi cháu N, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Võ Thị Cà N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông L và bà N là vợ chồng; về con chung Đoàn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006 hiện đang được bà N nuôi dưỡng ổn định nên đề nghị giao cháu N cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con: không có yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Võ Thị Cà N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn Văn L yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Cà N. Bà N có hộ khẩu thường trú tại khóm H, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Võ Thị Cà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Văn L và bà Võ Thị Cà N xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống, bà N bỏ đi, không tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông L, ông L và bà N không còn chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay. Do ông L và bà N không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014,

Hội đồng xét xử quyết định không công nhận ông Đoàn Văn L và bà Võ Thị Cà N là vợ chồng.

[4] Về con chung: có 03 con chung tên Đoàn Thị Hồng N, sinh ngày 06/6/1998, Đoàn Vĩ K, sinh ngày 06/4/2002 đã thành niên và Đoàn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006 hiện đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, ông L đồng ý để bà N tiếp tục nuôi cháu N, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L trình bày từ năm 2009 đến nay thì cháu N sống với bà N. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của cháu N nhưng xét thấy trong thời gian dài cháu N sống chung và được bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo điều kiện học tập cho cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà N cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về việc tiếp tục nuôi con chung. Cháu N do bà N trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt và môi trường học tập. Để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như thay đổi điều kiện môi trường sống đột ngột và đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của ông L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: ông L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L.
- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông Đoàn Văn L và bà Võ Thị Cà N là vợ chồng.
- Về con chung: bà Võ Thị Cà N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Đoàn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006.

Ông Đoàn Văn L không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận ông Đoàn Văn L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ chung sống thì ông Đoàn Văn L và bà Võ Thị Cà N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đoàn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005721 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông L đã nộp xong.

Ông Đoàn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Võ Thị Cà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên